

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-PT.
Ngày: 19 - 3 - 2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thọ
Bà Đào Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 85/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1996;
Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh La Huỳnh T, sinh năm: 1995;
Địa chỉ: khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.
Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Chị L và anh T sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2020 tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã L,

tỉnh Hậu Giang, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T không lo cho đời sống vợ con. Chị và anh T đã không còn sống chung từ khoảng tháng 3/2024 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài nên chị L yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên La Huỳnh T1, sinh ngày 26/5/2022, giới tính: nam, hiện nay con chung đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, chị L trình bày, hiện tại chị L đang làm việc tại Công ty Cổ phần B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, không có nhà riêng mà đang sống chung nhà với cha mẹ ruột ở huyện G (giữa chỗ ở và chỗ làm khoảng cách đi về khoảng 50km), làm giờ hành chính từ thứ Hai đến thứ Bảy, được nghỉ ngày Chủ nhật. Thu nhập từ tiền lương khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra sau này dự tính cha mẹ ruột của chị L sẽ cho thêm heo và ruộng để sinh sống.

Về tài sản chung: Có tài sản chung là vàng cưới nhưng chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị L và anh T không có nợ chung.

Bị đơn anh La Huỳnh T trình bày: Anh T thống nhất phần trình bày của chị L về thời gian đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn. Quá trình sống chung, mặc dù chị L đã có gia đình nhưng cũng thường xuyên đi chơi, không thông báo với anh T là đi chơi ở đâu. Thêm vào đó, trong thời gian sống chung, chị L còn nhắn tin, liên hệ qua lại với bạn trai, anh T có bắt gặp và anh T có gặp chú chị L để trình bày sự việc, sau khi được chú khuyên răn thì chị L có hứa là không tiếp tục liên lạc với bạn trai. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng thuê ở trọ hơn 03 năm, chứ không có ở nhà của cha mẹ vợ, sau đó vợ chồng thống nhất ra riêng và về khu vực B, phường V để cất nhà ở, chị L có về phụ giúp việc cất nhà nhưng đang trong quá trình xây dựng nhà thì chị L tự bỏ đi vào khoảng tháng 3/2024, đến khoảng tháng 7/2024 thì chị L nộp đơn xin ly hôn. Mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, quá trình không còn sống chung cũng như trong thời gian giải quyết vụ án, anh T đã nhiều lần gặp chị L để hàn gắn và đưa ra phương án là không sống chung với hai bên gia đình mà lên Cần Thơ sinh sống nhưng chị L cũng không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên La Huỳnh T1, sinh ngày 26/5/2022, giới tính: nam, hiện nay con chung đang sống chung với anh T. Sau khi sinh con thì vợ chồng cùng lo cho con. Lúc chị L nghỉ thai sản thì có về nhà cha mẹ ruột anh T ở 01 tháng, sau đó về nhà cha mẹ ruột chị L ở trong thời

gian nghỉ thai sản. Từ đó về sau thì gia đình bên nội và bên ngoại cháu T1 luân phiên chăm sóc, có khi cháu T1 ở G, có khi ở L. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh T cam kết tạo điều kiện cho chị L thăm nom, chăm sóc, không ai được cản trở.

Về điều kiện nuôi con: Anh T đã xây nhà riêng trên đường Quốc lộ, cùng kinh doanh dịch vụ xe du lịch với gia đình, được cha mẹ ruột là ông Lê Ngọc L1 và bà Huỳnh Thủy N cho riêng tiền thu nhập 07 căn nhà trọ, thu nhập mỗi tháng hơn 7.000.000 đồng, được toàn quyền quyết định 01 chiếc xe ô tô 16 chỗ, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng/tháng và được ông Lê Ngọc L1 và bà Huỳnh Thủy N cho riêng tiền tiết kiệm 600.000.000 đồng. Đồng thời, con chung La Huỳnh T1 đang đăng ký thường trú ở khu vực B, phường V, đang đi học tại trường M cách nhà khoảng 500 mét. Xung quanh nơi ở của anh T là trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở nên thuận tiện cho việc học tập.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T xác định giữa chị L và anh T không còn tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 85/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh La Huỳnh T được ly hôn.

Về con chung: Anh La Huỳnh T được tiếp tục nuôi con chung La Huỳnh T1, sinh ngày 26/5/2022, giới tính nam. Chị Nguyễn Thị Bích L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh La Huỳnh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Nguyễn Thị Bích L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh La Huỳnh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2024, chị Nguyễn Thị Bích L kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giao con chung cho chị L nuôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích L, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 85/2024/HNGĐ-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2024 chị Nguyễn Thị Bích L kháng cáo bản án là còn trong hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp phúc thẩm thụ lý và xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích L: Chị Nguyễn Thị Bích L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giao con chung cho chị L nuôi.

[2.1] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên La Huỳnh T1, sinh ngày 26/5/2022 (giới tính: Nam), anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung trong thời gian dài và cháu T1 cũng đã quen với điều kiện, môi trường sống, nếu giao cháu T1 cho chị L nuôi dưỡng sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu T1.

[2.2] Xét về điều kiện thu nhập: Hiện nay, chị L và anh T đều có thu nhập ổn định. Chị L hiện nay đang làm việc tại Công ty cổ phần B có thu nhập từ tiền lương. Anh T hiện cũng có thu nhập ổn định từ việc cho thuê nhà trọ, kinh doanh dịch vụ xe khách. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét về thu nhập thì chị L và anh T có mức thu nhập tương đương nhau.

[2.3] Xét về điều kiện chỗ ở: Chị L thừa nhận từ khi ly thân đến nay, chị L về sống chung với gia đình cha mẹ ruột ở ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị L chưa có chỗ ở ổn định, chưa có nhà riêng, hiện nay chỉ sống tạm thời nhà cha mẹ để đi làm việc. Đối với anh T thì đã xây dựng nhà riêng và quản lý 07 phòng trọ tại khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Như vậy, xét về chỗ ở thì anh T có chỗ ở ổn định hơn so với chị L.

[2.4] Xét về điều kiện đi lại và học tập: Theo biên bản xác minh ngày 17/10/2024 thì ông Nguyễn Văn Q và bà Võ Thị Mỹ N1 là cha mẹ ruột của chị L cung cấp chị L đi làm ở Rạch G và có về nhà ở G mỗi ngày, chị L xác định đoạn đường đi về từ nhà đến chỗ làm khoảng 50km. Qua kết quả xác minh nơi ở của chị L nằm ở trong ruộng, cách trung tâm xã khoảng 3km. Qua xác minh nhà anh T nằm trên đường Q, cách trường mẫu giáo khoảng 500 mét, hiện tại anh T cũng đã cho cháu La Huỳnh Tiến H tại trường mẫu giáo này. Như vậy, xét về điều kiện đưa đón cháu T1 đi học thì anh T có những thuận lợi hơn chị L.

[2.5] Xét về thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Chị L cho rằng anh T không tạo điều kiện cho chị thăm nom con chung, nhưng không được phía anh T thừa nhận. Chị L thừa nhận từ khi anh T nuôi con chung chị L chỉ đến thăm con 03 lần vào những lần Tòa án triệu tập giải quyết. Anh T thì cho rằng anh vẫn tạo điều kiện cho chị L thăm con, nhưng vào thời điểm chị L đến thăm con thì cháu T1 đang đi học ở trường nên không gặp được. Hơn nữa, từ lúc nuôi con đến nay chị L cũng không trợ cấp để nuôi dưỡng con chung, mọi chi phí sinh hoạt, chữa bệnh, nuôi dưỡng, học tập đều do anh T trực tiếp thực hiện.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 25/10/2024 thể hiện trong quá trình học tập, cháu T1 phát triển bình thường, ổn định, không có gì bất thường. Cũng qua kết quả xác minh, gia đình anh T là gia đình kinh doanh, có nề nếp ở địa phương và đủ điều kiện nuôi con. Đồng thời, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 05/11/2024 thể hiện không có phản ánh về hành vi bạo lực trẻ em và các hành vi khác ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của trẻ em đối với trường hợp của cháu La Huỳnh T1. Tại phiên toà phúc thẩm, anh T cũng đã thừa nhận thời gian qua do sợ chị L thăm và bắt con nên gia đình anh có hạn chế việc thăm con. Anh T cam kết “anh và gia đình sẽ tạo mọi điều kiện cho chị L thăm con cũng như việc mượn con về bên nhà chị L chơi bất kỳ lúc nào theo quy định của pháp luật”.

Từ những phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm xem xét giao cháu La Huỳnh T1 cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 54/2022/AL được công bố ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tối cao.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích L.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 85/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh La Huỳnh T được ly hôn.

3. Về con chung: Anh La Huỳnh T được tiếp tục nuôi con chung La Huỳnh T1, sinh ngày 26/5/2022, giới tính: Nam. Chị Nguyễn Thị Bích L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh La Huỳnh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị Bích L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh La Huỳnh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007923 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0008086 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19/3/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Luông

